



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2021/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 16 tháng 6 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong  
lĩnh vực y tế của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1011/TTr-SYT ngày 31 tháng 3 năm 2021 và ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 363/HĐND-CTHD ngày 28 tháng 5 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp y tế công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

**Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Y tế trên địa bàn tỉnh được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá quy định tại Quyết định này là mức giá tối đa để các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhu cầu thực tế phục vụ nhiệm vụ được giao để lập kế hoạch đầu tư, mua sắm đúng chủng loại và không vượt số lượng quy định tại Quyết định này. Mức giá này là giá mua xe ô tô chuyên dùng đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Y tế và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Tuấn Phong**

**PHỤ LỤC**

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế  
của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

*(Kèm theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

<b>STT</b>	<b>Cơ quan, đơn vị</b>	<b>Loại xe</b>	<b>Định mức sử dụng xe chuyên dùng (Xe/đơn vị)</b>	<b>Mức giá tối đa/xe (triệu đồng)</b>
1	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho hoạt động kiểm nghiệm mẫu	01	4.500
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	01	1.350
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế	02	4.500
		Xe ô tô được thiết kế hoặc có gắn thiết bị		

		chuyên dùng dành riêng cho hoạt động phòng, chống dịch	03	1.400
		Xe xét nghiệm lưu động	01	4.500
		Xe chở máy phun và hoá chất	02	1.400
3	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Xe ô tô có gắn còi, đèn ưu tiên, có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho hoạt động kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	01	4.500
4	Trung tâm Pháp Y	Xe giám định pháp y	01	2.200
		Xe vận chuyển tử thi	01	1.800
5	Bệnh viện Da liễu	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô được thiết kế hoặc có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
6	Bệnh viện Phổi	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
7	Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	Xe ô tô cứu thương	02	1.500
8	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Xe ô tô cứu thương	04	1.500
		Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt	05	3.750
		Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao	01	3.750
		Xe lấy máu	01	2.800
		Xe vận chuyển chất thải nguy hại (1-1,5 tấn)	01	600
9	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	Xe ô tô cứu thương	04	1.500
		Xe vận chuyển chất thải nguy hại (1-1,5 tấn)	01	600

10	Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam	Xe ô tô cứu thương	04	1.500
		Xe vận chuyển chất thải nguy hại (1-1,5 tấn)	01	600
11	Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi	Xe ô tô cứu thương	04	1.500
		Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt	01	3.750
		Xe vận chuyển chất thải nguy hại (1-1,5 tấn)	01	600
12	Trung tâm Y tế huyện Đức Linh	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	01	1.350
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
	Phòng khám Đa khoa khu vực Đông Hà - huyện Đức Linh	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
Phòng khám Đa khoa khu vực Mê Pu - huyện Đức Linh	Xe ô tô cứu thương	01	1.500	
13	Trung tâm Y tế huyện Tánh Linh	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
	Phòng khám Đa khoa khu vực Bắc Ruộng - huyện Tánh Linh	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
14		Xe ô tô cứu thương	03	1.500

	Trung tâm Y tế huyện Hàm Tân	Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
	Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Thắng - huyện Hàm Tân	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô cứu thương	01	1.500
15	Trung tâm Y tế thị xã La Gi	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
	Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Hải - thị xã La Gi	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
16	Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Nam	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
	Phòng khám Đa khoa khu vực Tân Thuận - huyện Hàm Thuận Nam	Xe ô tô cứu thương	01	1.500

	Phòng khám Đa khoa khu vực Hàm Cần - huyện Hàm Thuận Nam	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
17	Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
	Phòng khám Đa khoa khu vực Đông Giang - huyện Hàm Thuận Bắc	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
	Phòng khám Đa khoa khu vực Phú Long - huyện Hàm Thuận Bắc	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
18	Trung tâm Y tế huyện Bắc Bình	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	01	1.350
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
19	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phong	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400

	Phòng khám Đa khoa khu vực Phan Rí Cửa - huyện Tuy Phong	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
20	Trung tâm Y tế thành phố Phan Thiết	Xe ô tô cứu thương	03	1.500
		Xe ô tô dành riêng cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch	01	1.400
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400
	Phòng khám Đa khoa khu vực Mũi Né - TP.Phan Thiết	Xe ô tô cứu thương	01	1.500
21	Trung tâm Y tế Quân dân y huyện Phú Quý	Xe ô tô cứu thương	02	1.500
		Xe chở máy phun và hóa chất	01	1.400